

NGHỀ LÀM GỐM CỦA NGƯỜI THÁI Ở MƯỜNG CHANH

LA CÔNG Ý

Làm đồ gốm là một trong những nghề thủ công truyền thống của người Thái. Trước đây, ở nhiều nơi thuộc tỉnh Sơn La có lò gốm. Vùng Chiềng Ly (huyện Thuận Châu) chủ yếu làm các loại bát, đĩa. Khu vực Póng Núa (huyện Sông Mã) chỉ làm 1 loại sản phẩm duy nhất là nồi để kéo tơ. Ở Chiềng Cơi và Hua La (thị xã Sơn La) cũng có một số gia đình làm nghề gốm, họ chuyên sản xuất các loại dụng cụ để đun nấu. Ở Mường Chanh (huyện Mai Sơn) nghề làm đồ gốm phát triển nhất. Toàn vùng có 21 bản thì có tới 20 bản có lò gốm.

Các thư tịch cổ không thấy ghi chép về nghề làm đồ gốm của người Thái, nhưng theo các cụ già cho biết, nghề này đã xuất hiện ở Mường Chanh từ rất lâu đời. Trước kia, ở đây nghề làm đồ gốm rất phổ biến, hầu như hộ nào cũng làm. Những hộ không có người biết nặn gốm thì làm cơm rượu nhờ người khác đến nặn giúp. Trong thời kỳ hợp tác hoá nông nghiệp có hẳn 1 tổ chuyên sản xuất đồ gốm. Công nặn gốm được tính là công kỹ thuật, cao hơn so với làm những việc khác.

Ông Lò Văn Phóng, 49 tuổi, là một trong số rất ít những người thợ gốm hiện còn đang hành nghề. Cũng như các gia đình khác ở Mường Chanh, gia đình ông Phóng sống chủ yếu bằng nghề nông nhưng là người có "hoa tay", ngoài làm ruộng ông còn giỏi nghề gốm và biết làm nhiều nghề khác như mộc, rèn, đan lát. Ông Phóng học nghề gốm từ nhỏ - học ngay trong quá trình phụ giúp các bậc cha anh rồi bắt chước, làm theo. Năm 15 tuổi, ông đã tự mình làm được một số sản phẩm đơn giản, dễ làm như liễn, bát. Năm 18 tuổi ông làm cái chum to đầu tiên. Trong

thời gian đi bộ đội, tham gia chiến đấu tại nước bạn Lào, đóng quân ở vùng Nậm Bạc ông Phóng đã cùng dân địa phương làm gốm và được họ suy tôn là "vua chum". Sau nhiều năm hành nghề, đến nay, ông có thể làm được bất cứ loại sản phẩm nào mà các thợ gốm lành nghề ở Mường Chanh làm được. Mấy năm gần đây, mỗi năm gia đình ông đốt được 5-6 lò gốm. Ngoài sản xuất tại nhà, ông còn tổ chức một nhóm làm gốm lưu động, cùng với một số bà con thân thích mang đất sét vào tận Mường Và (Sông Mã) để nặn và đào lò nung gốm tại đó. Việc sản xuất gốm theo phương thức này chẳng những an toàn, tiện lợi, do tránh được khâu vận chuyển sản phẩm, mà còn mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Tại Sông Mã các sản phẩm gốm thường được bán với giá cao hơn ở Mường Chanh: ví dụ, 1 cái chum to có thể bán với giá 100.000đ, trong khi ở Mường Chanh chỉ bán được từ 60.000đ - 70.000đ.

1. Các loại sản phẩm gốm

Có thể nói, sản phẩm nghề gốm của người Thái ở Mường Chanh tương đối phong phú, gồm hơn một chục chủng loại với nhiều hình dáng, kích cỡ khác nhau, chủ yếu là gốm gia dụng; trong đó, phần lớn là đồ đựng hay để ngâm, ủ thức ăn, không thấy có các loại nồi dùng để đun nấu như ở nhiều lò gốm khác. Trước hết, phải kể đến một loại chum khá to (*hay ham*), cao 50cm, đường kính đáy 24cm, đường kính miệng 28cm, dùng để đựng nước ăn, chứa thóc, sắn khô, ủ rượu và một loại chum khác có kích thước nhỏ hơn (*hay bắc*) cao 30cm, đường kính đáy 20cm, đường kính miệng 18cm, để làm rượu cần, làm mắm, làm tương. Hũ (*u*) cao 26cm, đường kính đáy 15cm, đường kính miệng

11cm. Lọ (o) để đựng rượu cao 20cm, đường kính đáy 15cm, đường kính miệng 4,5cm và đường kính cổ lọ chỉ 1,5cm. Liễn (om) cao 18cm, đường kính đáy 13cm, đường kính miệng 10cm để làm dưa, làm mắm, đựng mỡ hay hạt giống. Một loại liễn nữa cao 19cm, đường kính đáy 14cm, đường kính miệng 9cm, có vành bao quanh miệng (om ánh) có đường kính 16cm để đổ nước vào và úp bát lên trên, vừa kín lại vừa có tác dụng ngăn các loại côn trùng xâm nhập, thường được dùng để làm mắm, đựng mỡ. Bình có quai (ông mông) có chiều cao và đường kính đáy 15cm, đường kính miệng 16cm để đựng và vận chuyển nước ăn. Chậu (ang) cao 9cm, đường kính đáy 20cm, đường kính miệng 30cm và bát (thuổi) cao 7cm, đường kính đáy 12cm, đường kính miệng 16cm. Chõ (hay nưng) có chiều cao và đường kính miệng 19cm, đường kính đáy 15cm để đồ xôi hay đồ rau. Nồi nấu cách thủy (chố mọ) cao 16cm, đường kính đáy 9cm, đường kính miệng 13cm. Vại (pại) cao 28cm, đường kính đáy 26cm, đường kính miệng 33cm để nhuộm chàm. Ngoài ra, còn có bộ chày cối dùng để nghiền ớt và lục lạc để đeo cho trâu, bò (má hình). Đặc biệt là, làng gốm Mường Chanh còn sản xuất loại hũ cao 21cm, đường kính đáy 13cm, đường kính miệng 11cm, có nắp đậy dùng để đựng phần xương cốt còn lại của người chết sau khi hỏa táng (ụ xơ đúc). Gần đây, những người thợ gốm Mường Chanh còn làm loại nồi có gọng (mọ sao loóc) cao 11cm, đường kính đáy 15cm, đường kính miệng 14cm, dùng để kéo tơ (1). Bên cạnh gốm gia dụng, các lò gốm ở Mường Chanh cũng sản xuất một số gốm mỹ nghệ; đó là các con giống như trâu, bò, ngựa, lợn, gà, vịt, cua, cá,... Ngoài để sử dụng, một số đồ gốm có giá trị như chum to, lọ cổ nhỏ được dùng làm của hồi môn cho con gái đi lấy chồng.

Các sản phẩm gốm của người Thái ở Mường Chanh thuộc loại gốm trơn, không tráng men, ít tinh xảo và thậm chí có phần hơi thô; nhưng, có lẽ, vẻ đẹp của nó lại toát lên chính từ sự thô ráp, mộc mạc đó. Theo ý kiến của những người dân địa phương, gốm Mường Chanh có khá nhiều ưu điểm: nhẹ hơn, khó vỡ hơn và cũng ít bị rò rỉ hơn so với gốm các nơi khác; hơn nữa, dùng để ủ rượu, làm mắm, làm dưa hay ngâm măng chua sẽ có mùi vị thơm ngon hơn và nếu có để lâu ngày cũng không bị nổi váng. Vì thế, các sản phẩm gốm Mường Chanh được người dân địa phương rất ưa chuộng; hầu như đến gia đình nào cũng chỉ thấy có đồ gốm bản địa, trừ một vài gia đình mới từ nơi khác chuyển đến. Cũng vì thế, các sản phẩm của họ có giá cao hơn nhiều so với gốm nơi khác mang đến. Ví dụ, 1 cái chum loại to cỡ từ các tỉnh đồng bằng lên chỉ bán được khoảng 30.000đ, còn chum Mường Chanh cùng cỡ có thể bán với giá gấp đôi.

2. Kỹ thuật nặn gốm

Có thể nói, vùng Mường Chanh khá giàu nguyên liệu để sản xuất đồ gốm. Trừ Bản Bông, các bản khác đều có mỏ đất sét với màu trắng nhạt, xanh đen hay vàng. Có chỗ đất sét nằm ngay dưới lớp đất màu, chỉ cách mặt đất chừng 0,2m nhưng có chỗ phải đào sâu 2 - 3m mới tới. Lại có những chỗ có tới 2 lớp đất sét. Sau khi máy bay Mỹ ném bom người ta còn phát hiện thêm một số mỏ đất sét nằm sâu dưới lòng đất. Đất sét ở Mường Chanh tương đối mịn và dẻo. Tuy nhiên, chất lượng đất ở mỗi nơi khác nhau: đất ở Nà Cà hay bị rò rỉ, đất ở Bản Đen hay bị vỡ trong lúc nung, đất ở Càng Mường thuộc loại tốt nhất.

Trước kia, vào mùa khô, sau khi thu hoạch lúa người ta đào xuống các chân ruộng để lấy đất nặn gốm, tạo thành những hố to và sâu đến mức “trâu bò tụt

xuống không tự lên được”, đến mùa cày cấy họ mới san lấp các hố này để tiếp tục canh tác. Ngày nay, ruộng làm nhiều vụ nên lấy đất xong phải lấp hố ngay. Sau khi dùng mai hay xẻng đào đất lên, lấy gậy đập, vê lại thành những quả tròn (mỗi quả chừng 10 - 15kg, đủ để nặn 1 cái chum to), rồi dùng đòn xóc gánh vê, cho vào 1 cái hố to ở cạnh nhà để sử dụng dần. Đất sét ủ trong hố có thể để vài năm sau vẫn sử dụng được.

Các lò gốm của người Thái ở Mường Chanh do có nguyên liệu tốt nên việc xử lý tương đối đơn giản. Trong quy trình làm gốm họ không phải qua công đoạn lọc đất với những bể lọc như thường thấy ở người Việt, người Hoa hay người Nùng; chỉ đến khi đập đất hay nặn sản phẩm nếu phát hiện sỏi đá hay các tạp chất khác lẫn trong đất thì nhặt bỏ. Họ cũng không biết đến việc chế biến nguyên liệu, thêm vào đó các chất phụ gia để nâng cao chất lượng sản phẩm mà sử dụng ngay đất sét có trong tự nhiên để nặn gốm. Trước đây, trước khi tạo hình, người ta cho đất vào cối rồi dùng chày tay giã cho thật nhuyễn nhưng từ nhiều năm nay họ đã cải tiến một bước khâu luyện đất, để đất lên bàn kê bằng gỗ (*pạn tấp đin*) dài 60cm, rộng 30cm và dùng gậy cũng bằng gỗ (*mạy tấp đin*) dài 44cm, đường kính 4cm để đập đất. Vì thế, việc xử lý đất không những trở nên nhẹ nhàng mà lại có năng suất cao hơn.

Việc nặn gốm tiến hành ngay dưới gầm sàn với nhiều loại công cụ khác nhau. Có thể nói, bộ công cụ tạo hình sản phẩm của người thợ gốm Mường Chanh đã tương đối hoàn chỉnh, với những công cụ chuyên dụng, có chức năng riêng nhưng vẫn còn khá đơn giản, thô sơ và một số còn ít nhiều mang tính đa năng. Công cụ chủ yếu nhất trong việc tạo hình là bàn xoay (*khiên*). Đó là một thớt gỗ tròn cao 19cm,

đường kính 39cm úp trên một trụ gỗ chôn chặt xuống nền nhà. Người thợ gốm có thể vừa nặn vừa tự mình xoay bàn xoay bằng ngón cái của bàn chân trái nhưng nếu cần làm chính xác hơn thì phải có người phụ giúp, xoay bàn xoay. Việc sử dụng bàn xoay chúng tỏ, nghề gốm của người Thái ở Mường Chanh đã đạt đến trình độ kỹ thuật tương đối cao hơn so với một số dân tộc thiểu số khác như Chăm, Khơ-me, Chu-ru hay Giẻ - Triêng, cũng như so với những người đồng tộc của họ ở các địa phương khác. Cùng với bàn xoay, còn có 2 mảnh tre (*bi chá*) dài 7,5cm, rộng 4cm và 2 mảnh gỗ mỏng hình bán nguyệt (*bi kiệng*) dài 11cm, rộng 5cm để chỉnh hình và chuốt sản phẩm cho đều và nhẵn. Bên cạnh đó, họ còn sử dụng ống thụt bằng tre (*coọng tó xít*) dài 36cm, đường kính 3,5cm để kéo đất thành sợi; dao tre (*mạy láp*) dài 23cm, rộng 1cm có 1 đầu vát nhọn để cắt đất, còn đầu kia có 2 khía để chạm hoa văn. Ngoài ra, có dây móc để xén lợi, cắt miệng; máng đựng nước và một miếng vải để bắt lợi, vén miệng và bát đựng tro bếp để chống dính.

Khâu đầu tiên trong việc tạo hình là tạo đáy sản phẩm. Người ta cho một ít đất sét lên bàn xoay, dùng gậy gỗ đập để đất mỏng, sau đó lấy mạy láp cắt thành hình tròn. Tiếp đó, theo phương pháp “bắt nẩy” và “be trạch”, người thợ gốm dùng tay vê đất thành từng thỏi dài rồi chồng lên nhau để làm thành sản phẩm, vừa be vừa vuốt; sau đó dùng *bi chá* và *bi kiệng* chuốt cho gốm có độ dày đều và mặt ngoài trở nên nhẵn, nếu phát hiện chỗ nào bị khuyết hay quá mỏng thì lấy đất bồi thêm. Khâu cuối cùng trong việc tạo hình sản phẩm là dùng sợi móc cắt miệng rồi lấy giẻ ướm vén miệng. Một vài loại sản phẩm như chum, lọ được trang trí bằng cách đắp gờ nổi và

chạm hoa văn chìm, chủ yếu có hình sóng nước.

Sản phẩm gốm của người Thái ở Mường Chanh ít khi phải ghép thêm các chi tiết phụ nên việc tạo hình thường chỉ làm 1 lần là xong. Thời gian để hoàn thành 1 sản phẩm dài hay ngắn phụ thuộc vào kích thước của nó cũng như độ phức tạp của việc tạo hình. Để tạo hình những sản phẩm có kích thước lớn hay phức tạp, khó làm, cần phải tỉ mỉ và đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao, như nặn chum to hay hũ có miệng nhỏ phải mất khoảng 1 giờ, còn nặn những sản phẩm nhỏ hay đơn giản hơn như chum nhỏ thì chỉ mất độ nửa giờ. Trung bình một ngày một người thợ gốm bình thường có thể nặn được 5 - 6 cái chum to. Theo ông Lò Văn Phóng, nặn hũ đựng rượu loại cổ bé là khó nhất, thường chỉ thợ giỏi mới làm được, còn nặn vại để nhuộm chàm thì dễ hơn nhưng nung lại rất khó vì hay bị nứt vỡ, nếu tạo hình không tốt có khi đưa vào lò nung 3 cái đến khi ra lò chỉ được 1 cái lành lặn.

Nếu nặn gốm vào những ngày trời mưa hoặc trời nồm, độ ẩm không khí cao hay do nguyên liệu chứa quá nhiều nước mà sản phẩm cần làm lại là loại có thành cao, dễ bị sụn xuống thì trong quá trình nặn thỉnh thoảng người ta lại phải đốt lửa hơ cho khô bớt rồi mới nặn tiếp. Nặn xong, sản phẩm được để ngay dưới gầm sàn, hong cho đến khi nào khô hẳn mới cho vào lò nung.

Không ít nhà nghiên cứu cho rằng, tạo hình gốm là công việc của nữ giới, chỉ người phụ nữ mới đảm đương được kỹ thuật tạo hình đồ gốm, và họ còn quả quyết rằng, bất cứ ở đâu và bao giờ cũng đều như thế (2). Trên thực tế, ở không ít làng gốm, việc tạo hình sản phẩm thường do phụ nữ đảm nhiệm còn đàn ông chỉ đóng vai trò là người phụ giúp. Nhưng ở

Mường Chanh và một số làng gốm Thái khác thì không phải như vậy, mà hoàn toàn ngược lại, đàn ông mới là người nặn gốm còn phụ nữ chỉ tham gia với tư cách phụ trợ: lấy đất, giã hay đập đất, xoay bàn xoay. Thường thì chồng nặn gốm, vợ xoay bàn xoay. Nhiều khi trẻ em cũng tham gia vào việc tạo hình sản phẩm. Phải chăng, việc phân công lao động theo cách vừa nói trên là một đặc trưng của nghề gốm cổ truyền của người Thái?.

3. Kỹ thuật nung gốm

Ở Mường Chanh, các lò gốm (*lò hay*) thường nằm ngay cạnh nhà ở. Để nung gốm người ta không xây lò hay đắp lò như nhiều làng gốm khác, họ cũng không nung lộ thiên trên mặt đất như người Chu-ru, người Giẻ - Triêng hay như gốm Bộng (Nghệ An) mà lợi dụng độ dốc của sườn núi và khoét sâu thêm xuống lòng đất để làm lò gốm. Như vậy, lò gốm ở Mường Chanh thuộc loại lò hầm. Bầu lò có hình dáng như mu rùa, cao ở giữa và thấp dần ra xung quanh. Kích thước của lò tương đối nhỏ, chỉ rộng khoảng 2m, dài khoảng 2,5m, cao khoảng 0,3m-0,7m (theo kinh nghiệm của người dân, khi đào lò, ngồi xổm mà đầu không chạm vào trần lò là được). Đáy lò không bằng mà dốc nghiêng (khoảng 20⁰), thấp dần từ ống khói ra phía cửa lò. Những người thợ gốm cho hay, đáy lò càng dốc càng tốt, nếu đáy lò phẳng hoặc không đủ độ dốc cần thiết thì ngọn lửa chỉ tạt qua phần trên, chứ không bén được đến chân sản phẩm nên gốm chín không đều. Cửa lò (*pác ló*) khá rộng, có đường kính khoảng 0,6m. Nằm dưới chân cửa lò, sâu hơn thêm chấn lửa chừng 0,5m là hố than (*khủm thán*). Ống khói (*khum khẩu*) bao giờ cũng phải nhỏ hơn cửa lò với đường kính chừng 0,3m. Trung bình trong 1 lần nung mỗi lò gốm có thể cho ra lò trên dưới 40 sản phẩm các loại(3).

Công cụ để đào lò nung gốm chỉ là thuổng và xẻng. Người ta cho hay, nếu khoét lò ở chỗ đất thường thì tốn ít công sức hơn, khoảng 15 công, nhưng lò không sử dụng được lâu, chỉ 2-3 năm là cùng; còn nếu đào vào chỗ đất có lẫn nhiều sỏi đá tuy mất nhiều công sức hơn, có thể tới 30 công, nhưng lò dùng được lâu dài hơn, có khi tới 4-5 năm. Thường thì, sau khi nung 20-30 lần thì lò có thể bị sập.

Trong quá trình sản xuất gốm, nung sản phẩm là khâu quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại của cả một mẻ gốm. Vì thế, trước khi vào lò người ta phải tổ chức một lễ cúng nhỏ với mục đích cầu mong thần linh phù hộ cho lò gốm chín đều, sản phẩm không bị biến dạng, méo mó, nứt vỡ. Chủ nhà đeo dao bên sườn, lấy lá cây nhúng nước vo gạo vẩy vào cửa lò và xung quanh lò, vừa vẩy vừa khấn. Lời khấn như sau:

*Nằm khâu má xa xia
Nằm khâu đi xa quả
Xa xia pét me màn
Xa xia chan me háng
Ăn hai nhà hó mì
Ăn đi hó đá
Hầu màn xiêng xáng bâu
Xớ xâng nhọt
Pót xớ lòi, xoi xớ lòi
Quả quát au pay
Tóc xớ phay, lay xớ nặm
Pay cá nặm khâu hu
Pay cá pu khâu thẳm.*

Tạm dịch:

*Nước gạo trừ điều xấu
Mang lại sự tốt lành
Tống khứ đàn bà chửa
Đuổi hết đàn bà goá
Điều rui đừng đến
Điều lành nhận được
Cho ánh sắc lá xanh
Trong suốt như chồi búp*

*Không gì đẹp hơn thế
Điêm gở quét đi
Rơi vào lửa, trôi cùng nước
Theo nước chảy xuống lỗ
Theo cua chui vào hang.*

Sau khi cầu cúng, người ta quét sạch bên trong lò và rải xuống đáy lò một lớp tro bếp hoặc trấu để chống dính rồi mới đem các sản phẩm gốm mộc đã được hong khô xếp vào lò. Ở Mường Chanh, việc vào lò được tiến hành lần lượt từ chân ống khói ra cửa lò và các sản phẩm được xếp thành một lớp, chú không để chồng lên nhau và cũng không lồng cái nhỏ vào trong cái to. Khu vực giữa lò có trần cao hơn thì để những cái to; còn khu vực rìa lò, trần thấp hơn, để những cái nhỏ.

Cuối cùng, người ta chất củi khô vào cửa lò và châm lửa đốt. Ở Mường Chanh, việc đốt lò không chia thành từng đợt mà diễn ra liên tục và do cấu tạo của lò quy định, toàn bộ nhiên liệu được đốt ngay tại cửa lò; ngọn lửa sẽ từ đó qua bầu lò nung các sản phẩm rồi theo ống khói ra ngoài. Để nung chín 1 lò gốm cần khoảng 4m³ củi. Nhưng nếu sản phẩm làm bằng loại đất sét có màu xanh đen thì tốn củi hơn, có khi mất tới 6m³. Củi để đốt lò gốm không kể là loại cây gì nhưng phải chắc và cháy đượm thì sản phẩm mới có chất lượng cao. Nung gốm ở lò cũ bao giờ cũng tốt hơn ở lò mới, vì lò cũ đã được sấy khô nên ít tiêu phí nhiệt lượng hơn.

Trong ngày vào lò và đốt lò phải thực hiện một số kiêng cử. Phụ nữ, nhất là phụ nữ đang kỳ kinh nguyệt hoặc có thai hay goá chồng không được đến gần lò gốm. Để báo hiệu người ta cắm ta leo đan bằng nan tre có gài lá xanh ở cạnh cửa lò. Khi đốt lò, nếu chẳng may để lửa tắt người ta phải khấn ông bà, cha mẹ đã khuất về phù hộ, độ trì cho lần đốt lò sau được may mắn hơn và phải chờ đến hôm khác mới đốt

tiếp. Họ tin rằng, có làm như vậy thì mọi việc mới suôn sẻ, tốt đẹp.

Việc đốt lò kéo dài khoảng 12 giờ, thường được bắt đầu lúc sáng sớm và kết thúc khi trời tối. Kinh nghiệm cho thấy, nếu đốt lò từ lúc sáng sớm và cho lửa cháy to dần, sản phẩm sẽ được sấy qua trước khi nung nên thường có chất lượng tốt hơn; còn để đến khi mặt trời đã lên cao mới đốt lò, lửa sẽ bén nhanh vào sản phẩm và do đó, gốm bị chín ép, chất lượng có thể không đảm bảo. Trong lúc lò đang cháy người ta phải thường xuyên có mặt để trông nom, chăm sóc lò, thậm chí có khi phải ăn cơm trưa ngay tại lò. Bằng kinh nghiệm trực quan, khi nào thấy không còn khói đen bốc lên, ngọn lửa chuyển màu, từ đỏ thành trắng pha tím xanh; sản phẩm nung trong lò cháy sáng trắng và nằm cách xa nhau hơn lúc mới vào lò (do bị co ngót) thì biết là gốm đã chín. Lúc đó, người ta ngừng việc tiếp nhiên liệu và đến khi thấy ngọn lửa không phụt lên nữa thì bịt kín ống khói, sau đó lấp cửa lò lại cho nhiệt độ hạ dần, đến ngày thứ 3 khi lò đã nguội hẳn mới dỡ ra. Để tạo màu cho sản phẩm, trước lúc lấp cửa lò người ta cho thêm một ít lá cây xanh vào ủ. Nếu ủ lò bằng lá trầm hương thì gốm sẽ có màu trắng, ủ bằng lá "nam hãn" hay lá "tảng" gốm có màu ánh bạc, còn ủ bằng lá dẻ, sản phẩm sẽ có màu xám đen. Loại gốm có màu xám đen được cư dân địa phương ưa chuộng hơn cả.

Từ lâu, sản phẩm gốm Mường Chanh đã được sử dụng rất rộng rãi, và có mặt ở nhiều nơi thuộc tỉnh Sơn La cũng như một số tỉnh lân cận như Lai Châu và Hoà Bình. Nhưng ở đây, không có những thương nhân chuyên buôn bán đồ gốm mà người sản xuất trực tiếp mang sản phẩm của mình đi bán. Những người thợ gốm Thái cho hay, trước kia, khi nghề làm đồ

gốm đang còn thịnh đạt, có nhiều người làm và sản xuất được nhiều, họ không chỉ tiêu thụ sản phẩm tại nhà mà còn mang đi bán ở các nơi khác như Sông Mã, Thuận Châu, Mường La, Yên Châu, Mộc Châu, Mai Châu, Đà Bắc, Mường Thanh. Không riêng người Thái mà cả người Kinh và một số dân tộc khác cư trú trong vùng cũng là khách hàng của các lò gốm Mường Chanh. Để vận chuyển đồ gốm, người ta thường lấy dây thừng buộc vào một đoạn tre ngang dưới gờ miệng chum hoặc cho chúng vào trong sọt gánh đi. Người bình thường chỉ gánh được 2 cái chum to, nhưng người khoẻ có thể gánh tới 4 cái. Trong điều kiện kinh tế hàng hoá kém phát triển, ngoài bán lấy tiền, họ còn áp dụng hình thức vật đổi vật; đem đồ gốm đổi lấy các loại lương thực, thực phẩm như chó, lợn, gà, vịt, bông, thóc,... Thường thường, một cái chum to có thể đổi được một lượng thóc hoặc bông chất đầy cái chum đó.

4. Một vài nhận xét

Có thể nói, ở người Thái, nghề làm đồ gốm khá phát triển nhưng cũng như các nghề thủ công khác, nó chỉ là nghề phụ gia đình và mang tính chất mùa vụ; ngay trong thời kỳ phát triển nhất, người ta cũng chỉ làm gốm vào những lúc nông nhàn. Trong những năm gần đây, do tác động của kinh tế thị trường, nhiên liệu ngày càng hiếm, phải đi xa hàng chục km mới lấy được củi đốt lò; hơn nữa, việc làm gốm không những vất vả, nặng nhọc mà còn độc hại, ảnh hưởng không ít đến sức khoẻ, nên các cơ sở làm gốm ở Sơn La đã dần dần mai một và ở Mường Chanh chỉ còn ít hộ theo nghề này. Hiện nay, ở bản Cang Mường, bản trung tâm của "làng gốm" Mường Chanh xưa, cũng chỉ còn 2 hộ đang làm nghề gốm. Cả 2 hộ này đều thuộc diện "xoá đói, giảm nghèo", đông con

mà lại ít ruộng, không đủ ăn nên phải chấp nhận làm nghề gốm để có thêm thu nhập. Do còn ít lò gốm hoạt động và lại hoạt động cầm chừng, thỉnh thoảng mới đốt một lò nên lượng sản phẩm làm ra không nhiều, thậm chí không đáp ứng đủ nhu cầu của dân trong xã. Trong tình hình như vậy, làm thế nào để gìn giữ và phát triển nghề gốm ở Mường Chanh với tư cách là nghề thủ công truyền thống lâu đời của người Thái? Đến nay, ngành tiểu thủ công nghiệp tỉnh Sơn La cũng như chính quyền và chính người dân xã Mường Chanh vẫn chưa có câu trả lời.

Nhưng, việc bảo tồn và phát huy nghề làm gốm ở Mường Chanh như là một giá trị văn hoá đặc sắc của người Thái đã được các cơ quan văn hoá quan tâm, chú ý. Đến nay, các loại công cụ sản xuất và sản phẩm của nghề gốm ở Mường Chanh và Chiềng Cơi đã được đưa về bảo quản và trưng bày tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và Bảo tàng tỉnh Sơn La. Kỹ thuật làm gốm của người Thái cũng được giới thiệu qua chương trình trình diễn “Truyền thống dân gian của chúng ta” được tổ chức tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam vào đầu năm 2002 qua sự thể hiện của các nghệ nhân ở Mường Chanh và Chiềng Cơi.

Chú thích

1. Do làm bằng tay, kích cỡ sản phẩm có thể to nhỏ khác nhau. Những con số nêu trên dựa theo bộ sưu tập gốm Mường Chanh của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.
2. Xem: Bùi Văn Vượng: *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*. Nxb. Văn hoá. H. 1997, tr. 175.
3. Lò gốm của ông Lò Văn Phóng ra lò ngày 10.
4. 2001 nung được 38 sản phẩm, bao gồm: 9 cái chum to, 6 cái chum nhỏ, 15 bình, hũ, lọ, nôi, cối giã ớt và 8 con giống.

VÀI NÉT VỀ CUỘC VẬN ĐỘNG (tiếp theo trang 17)

3. Khổng Diễn. *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, H. 1995.
4. Khổng Diễn (chủ biên). *Những đặc điểm kinh tế - văn hoá của các dân tộc ở miền núi phía Bắc*. Nxb. Khoa học xã hội, H. 1996.
5. Bế Viết Đăng (chủ biên). *Những biến đổi về kinh tế - văn hoá các tỉnh miền núi phía Bắc*. Nxb. Khoa học xã hội, H. 1993.
6. Eeuwes, J.G.C.M. *The formal fixed cultivation and settlement programme (1968 - 1990)*. Literature review written under supervision of Oscar Saleminck, Institute of Modern Asian History Faculty of Political and Social Sciences, University of Amsterdam, 1995.
7. Jamieson, N.L., Lê Trọng Cúc & Rambo, A.T. *The development crisis in Vietnam's mountains*. East West Center, Special Reports, Number 6, November 1998.
8. Tạ Long – Ngô Thị Chính. *Sự biến đổi nền nông nghiệp châu thổ - Thái Bình, ở vùng núi Điện Biên, Lai Châu*. Nxb Nông nghiệp, H. 2000.
9. Nguyễn Danh Nho, Trần Đức Viên và các cộng sự. *Các chính sách liên quan đến công tác nương rẫy và quản lý đất bỏ hoang sau nương rẫy ở Việt Nam*. Trong: *Kinh nghiệm quản lý đất bỏ hóa sau nương rẫy ở Việt Nam*. Nxb. Nông nghiệp, H. 2001.
10. Ủy ban Dân tộc và Miền núi. *50 năm công tác dân tộc (1946-1996)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, H. 1997.